

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 4 NĂM 2015
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,663,816,956,892	2,397,092,710,850
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	902,486,391,545	943,317,929,162
1. Tiền	111		320,380,004,233	462,812,338,185
2. Các khoản tương đương tiền	112		582,106,387,312	480,505,590,977
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		89,941,580,440	131,345,853,600
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	141,722,199,042	144,874,562,680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(79,980,618,602)	(85,353,029,080)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	28,200,000,000	71,824,320,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,476,879,017,348	1,168,255,605,177
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	357,053,818,414	372,508,287,101
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	434,255,795,850	176,014,823,672
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	800,000,000	20,300,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	716,083,366,223	636,658,630,002
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(31,314,532,389)	(37,226,704,848)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		569,250	569,250
IV. Hàng tồn kho	140		119,759,486,561	91,266,054,783
1. Hàng tồn kho	141	V.8	119,759,486,561	91,266,054,783
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		74,750,480,998	62,907,268,128
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	9,455,284,975	10,662,329,481
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		42,005,900,732	33,606,507,990
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	23,289,295,291	18,638,430,657
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6,029,734,121,499	5,782,689,772,079
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		129,263,790,660	175,314,836,919
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	7,000,000,000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	122,263,790,660	175,314,836,919
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,399,392,520,405	2,460,910,247,147
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2,126,736,456,248	2,203,279,354,846
- Nguyên giá	222		3,788,629,840,419	3,626,381,678,194
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,661,893,384,171)	(1,423,102,323,348)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	26,769,570,614	14,392,730,508
- Nguyên giá	225		31,400,607,484	14,592,547,596
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4,631,036,870)	(199,817,088)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	245,886,493,543	243,238,161,793
- Nguyên giá	228		272,823,982,369	263,960,390,873
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26,937,488,826)	(20,722,229,080)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,073,641,696,418	799,381,142,815
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1,073,641,696,418	799,381,142,815
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2,027,186,138,669	1,945,340,366,904
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	1,842,890,776,225	1,785,188,207,234
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	302,390,057,558	278,376,057,558
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(118,094,695,114)	(118,223,897,888)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		400,249,975,347	401,743,178,294
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	229,433,572,466	188,282,319,704
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	10,535,810,230	19,787,114,718
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	160,280,592,652	193,673,743,872
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8,693,551,078,391	8,179,782,482,929

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3,306,655,151,927	2,960,719,905,651
I. Nợ ngắn hạn	310		1,449,308,873,157	1,169,335,416,919
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	446,840,894,543	358,990,957,570
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	23,869,940,628	16,602,315,953
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	41,526,089,583	40,060,449,883
4. Phải trả người lao động	314	V.19	69,230,728,462	41,445,339,543
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	303,934,583,305	153,438,690,210
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		14,981,560,455	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.22a	130,678,346,427	82,002,505,902
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23a	336,421,357,727	407,459,005,056
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.24	59,544,927,528	56,982,318,300
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	22,280,444,499	12,353,834,502
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,857,346,278,770	1,791,384,488,732
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	240,090,836,357	254,613,935,913
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22b	66,599,190,483	44,120,963,909
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23b	1,539,887,552,775	1,480,319,700,911
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.26	10,768,699,155	12,329,887,999
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-


CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

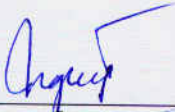
Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5,386,895,926,464	5,219,062,577,278
I. Vốn chủ sở hữu	410		5,386,895,926,464	5,219,062,577,278
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27	1,196,219,940,000	1,161,379,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,196,219,940,000	1,161,379,940,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	2,471,474,474,400	2,471,474,474,400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.27	71,797,775,902	71,797,775,902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.27	81,143,639,070	38,199,702,355
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27	62,682,779,623	51,499,897,853
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27	62,094,191,700	52,475,599,954
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27	1,054,316,803,340	1,031,153,717,365
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		652,831,554,819	1,031,153,717,365
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		401,485,248,522	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.28	387,166,322,429	341,081,469,449
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8,693,551,078,391	8,179,782,482,929

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	927,908,633,400	893,441,225,811	3,589,799,629,154	3,016,638,415,863
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2,953,432,144	1,074,621,994	7,448,391,594	4,033,904,300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		924,955,201,256	892,366,603,817	3,582,351,237,560	3,012,604,511,563
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	709,957,627,635	648,649,488,215	2,629,205,778,139	2,387,502,426,577
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		214,997,573,621	243,717,115,602	953,145,459,421	625,102,084,986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	12,213,878,601	22,234,545,528	43,185,435,343	665,082,880,451
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	32,726,972,112	85,695,974,466	229,157,676,793	251,224,764,878
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28,230,331,020	22,993,687,353	118,509,885,110	112,637,632,042
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4,018,833,584		29,762,658,164	25,278,290,198
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	13,417,233,904	9,350,948,267	44,506,928,735	31,770,653,588
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	83,766,252,929	83,473,357,037	265,819,041,271	280,474,037,684
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		101,319,826,860	87,431,381,360	486,609,906,128	751,993,799,485
12. Thu nhập khác	31	VI.8	12,449,071,129	2,373,517,042	21,148,301,790	17,842,959,121
13. Chi phí khác	32	VI.9	2,723,709,719	54,708,618,261	7,027,159,651	68,748,215,278
14. Lợi nhuận khác	40		9,725,361,410	(52,335,101,219)	14,121,142,139	(50,905,256,157)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111,045,188,270	35,096,280,141	500,731,048,267	701,088,543,328
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6,866,574,006	21,882,811,730	41,796,075,580	110,515,706,224
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(1,191,670,190)	(4,563,590,710)	(1,519,285,061)	25,640,598,240
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		105,370,284,454	17,777,059,121	460,454,257,748	564,932,238,864
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		94,522,696,637	4,578,559,123	401,485,248,522	530,959,189,701
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		10,847,587,818	13,198,499,999	58,969,009,227	33,973,049,163
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	727	47	3,370	4,598

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016

[Signature]

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

[Signature]

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	500,731,048,267	701,088,543,328
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	283,500,936,837	267,460,896,402
Các khoản dự phòng	03	(11,413,785,711)	94,338,802,014
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	105,885,787,530	29,907,503,984
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18,772,499,882)	(662,363,806,811)
Chi phí lãi vay	06	118,509,885,111	112,637,632,042
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	978,441,372,152	543,069,570,959
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(176,693,331,975)	109,447,972,612
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(28,493,431,778)	22,216,080,200
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	194,789,217,961	(98,463,812,336)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(39,944,208,256)	(4,784,895,124)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	3,152,363,638	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(51,212,960,474)	(69,517,964,321)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(56,429,694,467)	(121,590,256,792)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	311,678,559,528	145,279,745,229
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(307,660,384,767)	(171,840,821,886)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	827,627,501,562	353,815,618,542
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(588,954,031,205)	(508,346,505,178)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	32,250,336,981	11,964,906,352
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(355,886,573,980)	(1,774,614,724,549)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	493,576,320,000	1,707,370,269,641
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(57,152,964,097)	(129,371,873,500)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	834,251,783,790
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15,891,938,847	42,326,847,968
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(460,274,973,453)	183,580,704,524

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		34,840,000,000	17,163,250,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2,041,732,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		183,952,221,052	984,125,538,770
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(380,009,907,209)	(912,624,796,447)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5,037,254,763)	(431,318,480)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(242,210,481,297)	(150,081,894,251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(408,465,422,217)	(63,890,952,408)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(41,112,894,108)	473,505,370,658
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		943,317,929,162	470,211,689,829
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		281,356,491	(399,131,325)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		902,486,391,545	943,317,929,162

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 4 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2015 của Công ty Cổ phần Gemadept bao gồm Báo cáo tài chính quý 4 năm 2015 của Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

3. **Ngành nghề kinh doanh**

Tập đoàn kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viên Chăn – Lào.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 1.161.379.940.000 VND lên 1.196.219.940.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 092/GMD-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 109/NQ-HĐQT-2015 ngày 14 tháng 7 năm 2015.

6. **Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 26 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. **Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn**

Thành lập công ty con

Trong năm, Công ty đã tham gia góp vốn vào các công ty con sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<u>Tên công ty</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Mục đích</u>
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	100%	Mở rộng ngành nghề kinh doanh cốt lõi
Công ty Cổ phần Logistics Nam Hải	65%	Mở rộng ngành nghề kinh doanh cốt lõi
Công ty Cổ phần MeKong Logistics	51%	Mở rộng ngành nghề kinh doanh cốt lõi

Mua thêm vốn góp tại công ty con

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm vốn góp tại các công ty con.

Thanh lý, thoái vốn tại công ty con

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc thanh lý, thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	84,66%	84,66%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98%	99,98%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	81,6%	81,6%
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19, số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	51%	51%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	53,2%	53,2%
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải	Khu phố 7, phường	46%	54%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
Công ty cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Số 1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	70%	70%
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%
Công ty TNHH vận tải Liên Ước	2A- 4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Phòng 609B+620+621, tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Plaza Business Center, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100%	100%
Công ty cổ phần Logistics Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.	65%	65%
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22, số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	Số 45, đường Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty TNHH MTV logistics	Lầu 20, số 2bis-4-6 Lê	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Biển Sáng	Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
Gemadep (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100%	100%
Gemadep (S) Pte. Ltd.	63 Market Street #05-01A, Bank of Singapore Centre, Singapore 048942.	100%	100%
Grand Pacific Shipping Pte. Ltd	120 Lower Delta Road, #11-01/04 Cendex Center, Singapore	100%	100%
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Lầu 19, số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Nhà số 193C, Đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia.	100%	100%
Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Nhà số 193C, Đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia.	100%	100%
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Lầu 21, số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%
Công ty Cổ phần MeKong Logistics	Khu công nghiệp Sông Hậu- Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	51%	51%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadep	Số 105, đường Nguyễn Thông, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50%	50%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

6c. *Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu*

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45%	45%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30 tháng 4, Phường 11, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	49%	49%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Ấp Hải Tân, Thị Trấn Phước Hải, Huyện Đất Mỏ, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam	40%	40%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,03%	38,03%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	29,82%	29,82%
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào.	40%	40%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13 Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam	49%	49%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6d. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ⁽ⁱ⁾	Khu vực Cái Mép, xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	50%	50%
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line - Gemadept	2bis – 4 – 6, đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	50%	50%

(i) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link là 75%. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gemadept đồng ý sẽ chuyển 25% cổ phiếu đầu tư trong công ty này sang một đối tác khác. Mặt khác, Điều lệ Công ty Cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các quy định kế toán mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 1.902 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.855 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 4 năm 2015 bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính/mua – bán bình quân.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính/mua – bán bình quân.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính/bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời hạn thuê còn lại là 38 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

Các chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 – 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 09

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thiếu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 – 08 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác

định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

17. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	14.710.194.639	19.456.970.946
Tiền gửi ngân hàng	303.794.616.996	443.237.837.924
Tiền đang chuyển	1.875.192.598	117.529.315
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	<u>582.106.387.312</u>	<u>480.505.590.977</u>
Cộng	<u>902.486.391.545</u>	<u>943.317.929.162</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh Doanh

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu						
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	46.180.879.800	(48.790.150.200)	94.971.030.000	47.580.300.400	(47.390.729.600)
Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.488.264.362	13.854.828.000	(17.633.436.362)	31.490.628.000	8.126.999.500	(23.363.628.500)
Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	677.557.500	(13.556.763.600)	14.234.321.100	993.751.000	(13.240.570.100)
Các cổ phiếu khác	<u>1.028.583.580</u>	<u>1.267.042.800</u>	<u>(268.440)</u>	<u>4.178.583.580</u>	<u>2.820.482.700</u>	<u>(1.358.100.880)</u>
Cộng	<u>141.722.199.042</u>	<u>61.980.308.100</u>	<u>(79.980.618.602)</u>	<u>144.874.562.680</u>	<u>59.521.533.600</u>	<u>(85.353.029.080)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(85.353.029.080)	(83.967.077.430)
Hoàn nhập (dự phòng)	5.372.410.478	(1.385.951.650)
Số cuối kỳ	<u>(79.980.618.602)</u>	<u>(85.353.029.080)</u>

Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân (trước đây là Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt) đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ (%)		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Theo giấy phép	Thực góp		
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	69.483.760.493	49.707.296.396
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	26,78	26,78	10.395.450.697	11.020.875.417
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadep Việt Nam	49,00	49,00	4.618.832.531	6.022.684.261
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	40,00	15.460.699.200	15.975.236.427
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,03	38,03	26.618.651.128	27.215.212.944
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,82	29,82	186.875.286.376	153.278.710.032
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	26,56	26,56	36.472.249.786	39.168.884.963
Công ty TNHH Golden Globe	40,00	36,13	89.352.903.136	83.745.403.136
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadep– Terminal Link	50,00	50,00	1.395.295.674.716	1.398.053.903.658
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadep	50,00	50,00	8.317.268.163	1.000.000.000
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	49,00	49,00	-	-
Cộng			1.842.890.776.225	1.785.188.207.234

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	14.908.877.464	11.610.631.526
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadep Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	311.459.000	28.506.521.651
Chi phí dịch vụ	6.000.00	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

		80.000.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	4.780.539.572
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	224.808.012	467.670.261
Lợi nhuận được chia	5.650.000.000	-
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	283.350.000	232.630.876
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		
Lợi nhuận được chia	1.253.460.000	1.253.460.000
Doanh thu dịch vụ	3.637.848.397	-
Công ty TNHH Golden Globe		
Góp vốn đầu tư	5.607.500.000	38.127.720.000
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Chi phí dịch vụ	914.485.000	827.600.454
Cổ tức được chia	1.251.180.000	893.700.000
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm		
Cổ tức được chia	209.126.000	159.289.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Cho mượn tiền	-	10.000.000.000
Góp vốn	-	290.000.000
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line - Gemadept		
Góp vốn đầu tư	5.324.000.000	1.000.000.000
Chi hộ	147.304.500	126.897.000
Doanh thu dịch vụ	5.291.122.236	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi phí dịch vụ	26.868.184	-
<i>Công ty TNHH thương mại Quê Cầu Vàng</i>		
Góp vốn đầu tư	19.776.464.097	-

2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	165.581.032.000
Công ty TNHH CJ Việt Nam	37.612.025.558	37.612.025.558
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	58.197.000.000	31.752.000.000
Các đơn vị khác	41.000.000.000	43.431.000.000
Cộng	<u>302.390.057.558</u>	<u>278.376.057.558</u>

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(118.223.897.888)	(79.994.951.086)
Hoàn nhập (dự phòng)	129.202.774	(38.228.946.802)
Số cuối kỳ	<u>(118.094.695.114)</u>	<u>(118.223.897.888)</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.472.131.294</i>	<i>3.372.372.687</i>
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	1.753.678.704	1.609.739.811
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	-	1.762.632.876
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	2.180.000.000	-
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	538.452.590	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>352.581.687.120</i>	<i>369.135.914.414</i>
Cộng	<u>357.053.818.414</u>	<u>372.508.287.101</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Bông Sen Vàng	70.023.381.296	67.823.381.296
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	29.464.093.957	35.921.570.755
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Minh Phương	119.615.500.000	-
Công ty TNHH kiểm định – tư vấn và đầu tư xây dựng Nam Mekong	23.220.000.000	-
Công ty TNHH thiết bị lạnh và cách nhiệt TST	29.034.966.938	-
Công ty TNHH sản xuất – xây dựng – thương mại	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- dịch vụ Đất Việt	21.692.394.000	
Các nhà cung cấp khác	141.205.459.659	72.269.871.621
Cộng	434.255.795.850	176.014.823.672
5. Phải thu về cho vay		
5a.		
	<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	800.000.000	10.300.000.000
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần du lịch – Minh Đạm	500.000.000	10.000.000.000
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	-	10.000.000.000
Cộng	800.000.000	20.300.000.000
5b.		
	<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các bên liên quan vay	-	-
Cho tổ chức khác vay	7.000.000.000	-
Cộng	7.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác		
6a. Phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	1.020.597.000
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực – Cổ tức được chia	-	893.700.000
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept – Các khoản chi hệ	-	126.897.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>	716.083.366.223	635.638.033.002
Các khoản chi hệ	648.395.150.807	522.830.094.711
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	359.760.000
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	2.345.284.159	4.169.760.983
Tạm ứng	50.902.572.989	72.595.570.946
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	4.856.557.768	14.400.875.503
Các khoản phải thu khác	9.583.800.500	21.281.970.859
Cộng	716.083.366.223	636.658.630.002
6b. Phải thu dài hạn khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản ký quỹ	7.770.863.820	36.514.836.919

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Các khoản phải thu dài hạn khác	77.492.926.840		101.800.000.000	
Cộng	122.263.790.660		175.314.836.919	
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				
Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:				
	Năm nay		Năm trước	
Số đầu năm	(37.226.704.848)		(14.598.999.848)	
Dự phòng trong năm	(5.384.382.876)		(22.731.440.692)	
Hoàn nhập trong năm	11.296.555.335		103.735.692	
Số cuối kỳ	(31.314.532.389)		(37.226.704.848)	
8. Hàng tồn kho				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	20.316.296.935	-	14.233.713.044	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	15.172.963.338	-	18.596.038.214	-
Phụ tùng thay thế	12.994.634.852	-	11.512.678.478	-
Công cụ dụng cụ	901.596.310	-	866.011.470	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	66.285.089.490	-	39.866.814.580	-
Hàng hóa	4.088.905.636	-	6.190.798.997	-
Cộng	119.759.486.561	-	91.266.054.783	-
9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn				
9a. Chi phí trả trước ngắn hạn				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Chi phí sửa chữa	2.556.596.274		4.182.219.846	
Công cụ, dụng cụ	3.070.624.448		4.319.626.196	
Chi phí bảo hiểm	1.370.187.945		1.262.877.915	
Các chi phí khác	2.457.876.308		897.605.524	
Cộng	9.455.284.975		10.662.329.481	
9b. Chi phí trả trước dài hạn				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	152.832.283.547		156.973.295.830	
Công cụ, dụng cụ	10.735.340.891		9.021.471.584	
Chi phí sửa chữa	18.379.188.596		7.885.990.709	
Lãi thuê tài chính	8.567.561.720		4.701.317.745	
Chi phí làm đường vào cảng	34.154.037.130		3.950.111.012	
Các chi phí khác	4.765.160.582		5.750.132.824	
Cộng	229.433.572.466		188.282.319.704	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.133.408.067.664	645.246.820.033	1.829.583.913.115	16.360.703.639	1.782.173.742	3.626.381.678.194
Tăng trong kỳ	46.290.981.613	40.118.440.717	124.176.141.156	1.319.859.847	-	211.905.423.333
Mua sắm mới	1.601.287.273	30.549.992.940	110.429.645.337	958.965.920	-	143.539.891.470
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	40.307.205.340	8.830.217.111	13.024.083.833	299.454.545	-	62.460.960.829
Tăng khác (do phân loại lại tài sản)	-	623.494.954	120.000.000	-	-	743.494.954
Tăng khác (nhận tài sản từ bên liên quan)	-	-	27.822.600	6.705.140	-	34.527.740
Tăng do chênh lệch tỷ giá	4.382.489.000	114.735.712	574.589.386	54.734.242	-	5.126.548.340
Giảm trong kỳ	-	(6.583.207.275)	(42.442.483.332)	(14.330)	(631.556.172)	(49.657.261.109)
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.583.207.275)	(24.936.663.367)	-	-	(31.519.870.642)
Giảm khác (do phân loại lại tài sản)	-	-	(17.505.819.965)	(14.330)	(631.556.172)	(18.137.390.467)
Số cuối kỳ	1.179.699.049.277	678.782.053.475	1.911.317.570.940	17.680.549.156	1.150.617.570	3.788.629.840.419
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	182.575.988.623	253.257.618.327	971.433.888.737	14.410.214.198	1.424.613.463	1.423.102.323.348
Tăng trong kỳ	79.103.802.441	47.211.265.548	143.170.712.848	428.260.870	37.583.222	269.951.624.929
Khấu hao trong kỳ	79.103.802.441	47.211.265.548	118.091.471.624	428.260.870	37.583.222	244.872.383.705
Tăng khác (do phát sinh Cty con mới và chuyển đổi BC)	-	-	20.667.246	-	-	20.667.246
Tăng do chênh lệch tỷ giá	-	-	25.058.573.978	-	-	25.058.573.978
Giảm trong kỳ	-	(6.345.959.113)	(24.183.048.821)	-	(631.556.172)	(31.160.564.106)
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.345.959.113)	(24.183.048.821)	-	-	(30.529.007.934)
Số cuối kỳ	261.679.791.065	294.122.924.762	1.090.421.552.764	14.838.475.068	830.640.513	1.661.893.384.171
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	950.832.079.041	391.989.201.706	858.150.024.378	1.950.489.441	357.560.279	2.203.279.354.846
Số cuối kỳ	918.019.258.213	384.659.128.713	820.896.018.175	2.842.074.088	319.977.057	2.126.736.456.248

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	14.592.547.596
Thuê tài chính trong kỳ	16.808.059.888
Số cuối kỳ	31.400.607.484
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	199.817.088
Khấu hao trong kỳ	4.431.219.782
Số cuối kỳ	4.631.036.870
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	14.392.730.508
Số cuối kỳ	26.769.570.614

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chi phí thiết kế web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	247.722.755.989	16.207.634.884	30.000.000	263.960.390.873
Tăng trong năm	8.647.591.496	216.000.000	-	8.863.591.496
<i>Mua trong năm</i>	-	216.000.000	-	216.000.000
<i>Tăng do chênh lệch tỷ giá</i>	8.647.591.496	-	-	8.647.591.496
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	256.370.347.485	16.423.634.884	30.000.000	272.823.982.369
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	10.990.585.222	9.728.310.526	3.333.332	20.722.229.080
Tăng trong năm	3.775.261.235	2.429.998.515	9.999.996	6.215.259.746
<i>Khấu hao trong năm</i>	3.695.914.395	2.205.894.116	9.999.996	5.911.808.507
<i>Tăng do chênh lệch tỷ giá</i>	79.346.840	224.104.399	-	303.451.239
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối kỳ	14.765.846.457	12.158.309.041	13.333.328	26.937.488.826

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Giá trị còn lại**

Số đầu năm	<u>236.732.170.767</u>	<u>6.479.324.358</u>	<u>26.666.668</u>	<u>243.238.161.793</u>
Số cuối kỳ	<u>241.604.501.028</u>	<u>4.265.325.843</u>	<u>16.666.672</u>	<u>245.886.493.543</u>

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	54.164.951.532	67.428.096.919
Xây dựng cơ bản dở dang	1.019.476.744.886	731.953.045.896
- Công trình đường vào Cảng PVC	2.057.303.684	2.057.303.684
- Công trình dự án Cảng PVC	958.396.104	958.396.104
- Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.865.085.825	51.865.085.825
- Dự án trồng cao su của Pacific Pearl	396.935.839.263	346.368.734.633
- Dự án trồng cao su của Pacific Lotus	419.237.123.345	330.643.480.105
- Dự án Mekong Logistics	138.397.477.083	-
- Dự án Nam Hải Logistics	9.965.474.037	-
- Phí thẩm định dự án	60.045.545	60.045.545
Cộng	<u>1.073.641.696.418</u>	<u>799.381.142.815</u>

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	19.787.114.718	34.343.259.379
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(9.251.304.488)	(14.556.144.661)
Số cuối năm	<u>10.535.810.230</u>	<u>19.787.114.718</u>

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept, Công ty cổ phần cảng Nam Hải và Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ. Chi tiết phân bổ như sau:

Nguyên giá	
Số đầu năm	334.718.217.270
Tăng trong năm	-
Số cuối kỳ	<u>334.718.217.270</u>
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	141.044.473.398
Phân bổ trong năm	33.393.151.220
Số cuối kỳ	<u>174.437.624.618</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Giá trị còn lại**

Số đầu năm

193.673.743.872

Số cuối kỳ

160.280.592.652**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>531.503.500</i>	<i>732.827.500</i>
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	531.503.500	732.827.500
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>446.309.391.043</i>	<i>358.258.130.070</i>
Rich Mountain Trading Co., Ltd	73.539.289.254	45.145.663.948
V-Forest Trading Co., Ltd	59.979.764.622	67.228.185.340
Các nhà cung cấp khác	312.790.337.167	245.884.280.782
Cộng	<u>446.840.894.543</u>	<u>358.990.957.570</u>

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>23.869.940.628</i>	<i>16.602.315.953</i>
NYK Bulk & Projects Carriers Ltd.	-	919.317.138
Kalyan Shipping Ltd.	-	847.154.889
Dongfang Electric Group Project	2.358.142.028	-
Công ty TNHH Everwin Việt Nam	1.287.471.790	-
Sea Consortium Pte., Ltd	3.981.636.890	-
Các khách hàng khác	16.242.689.920	14.835.843.926
Cộng	<u>23.869.940.628</u>	<u>16.602.315.953</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT	11.060.224.726	4.962.557.647	7.604.155.463	4.037.493.303
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.394.288.351	27.094.460.085	10.274.088.609	27.704.946.975
Thuế thu nhập cá nhân	520.418.103	6.158.113.041	5.478.799	5.151.416.395
Các loại thuế khác	314.364.111	3.310.958.810	754.707.786	3.166.593.210
Cộng	<u>23.289.295.291</u>	<u>41.526.089.583</u>	<u>18.638.430.657</u>	<u>40.060.449.883</u>

19. Phải trả người lao động:

Tiền lương và các khoản phải trả người lao động khác

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Chi phí phải trả ngắn hạn:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	149.212.333.987	81.838.142.374
Chi phí cho dự án trồng cao su	31.736.229.829	26.095.292.682
Chi phí sửa chữa, xây dựng	18.270.748.437	11.199.985.042
Chi phí bốc xếp	2.513.819.107	7.709.785.221
Chi phí hoa hồng	2.441.648.846	2.591.277.944
Chi phí khác	99.759.803.099	24.004.206.947
Cộng	<u>303.934.583.305</u>	<u>153.438.690.210</u>

21. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	240.090.836.357	245.906.126.459
Doanh thu chưa thực hiện	-	8.707.809.454
Cộng	<u>240.090.836.357</u>	<u>254.613.935.913</u>

22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.137.456.166	2.181.569.521
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	245.269.940	497.253.306
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.061.573.245	4.910.709.763
Cổ tức phải trả	2.446.220.013	5.387.708.309
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	30.682.139.735	53.318.751.814
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	70.105.687.328	15.706.514.189
Cộng	<u>130.678.346.427</u>	<u>82.002.505.902</u>

22b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất (*)	60.390.390.483	43.263.609.726
Nhận ký quỹ dài hạn	6.208.800.000	857.354.183
Cộng	<u>66.599.190.483</u>	<u>44.120.963.909</u>

(*) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 5 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	<u>242.195.602.475</u>	<u>229.655.634.780</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	242.195.602.475	229.655.634.780
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	<i>94.225.755.252</i>	<i>177.803.370.276</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	43.966.355.252	48.877.690.392
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	14.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	36.259.400.000	128.925.679.884
Cộng	<u>336.421.357.727</u>	<u>407.459.005.056</u>

- (i) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng.

Tập đoàn hoàn toàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ</u> <u>vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	48.877.690.392	114.012.050.046	-	(118.923.385.186)	43.966.355.252
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	229.655.634.780	26.539.967.695	-	-	256.195.602.475
Vay dài hạn đến hạn trả	128.925.679.884	-	36.259.400.000	(128.925.679.884)	36.259.400.000
Cộng	<u>407.459.005.056</u>	<u>140.552.017.741</u>	<u>36.259.400.000</u>	<u>(247.849.065.070)</u>	<u>336.421.357.727</u>

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.539.887.552.775</i>	<i>626.159.700.911</i>
Vay dài hạn ngân hàng	602.461.351.991	607.138.019.021
Vay dài hạn các tổ chức khác	900.800.000.000	854.160.000.000
<i>Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P ⁽ⁱ⁾</i>	<i>900.800.000.000</i>	<i>854.160.000.000</i>
Nợ thuê tài chính	36.626.200.784	19.021.681.890
Cộng	<u>1.539.887.552.775</u>	<u>1.480.319.700.911</u>

- (i) Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay : 40.000.000,00 USD

Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
- Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
- Mục đích vay :
 - Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.
 - Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.
 - Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
 - Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
 - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	56.982.318.300
Tăng do trích lập	2.562.609.228
Số cuối năm	59.544.927.528

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.353.834.502	8.778.991.522
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	28.228.515.393	21.648.039.527
Chi quỹ	(18.301.905.396)	(17.526.294.358)
Giảm khác	-	(546.902.189)
Số cuối năm	22.280.444.499	12.353.834.502

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.329.887.999	922.746.832
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh		11.400.322.694
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	(1.561.188.844)	6.818.473
Số cuối năm	10.768.699.155	12.329.887.999

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****27. Vốn chủ sở hữu****27a. Vốn chủ sở hữu**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	1.161.379.940.000	34.840.000.000	-	1.196.219.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	-	-	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	-	-	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	38.199.702.355	42.943.936.715	-	81.143.639.070
Quỹ đầu tư phát triển	51.499.897.853	12.075.085.136	(892.203.366)	62.682.779.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	52.475.599.954	16.937.109.236	(7.318.517.490)	62.094.191.700
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.031.153.717.365	401.485.248.522	(378.322.162.546)	1.054.316.803.340
Cộng	<u>4.877.981.107.829</u>	<u>508.281.379.608</u>	<u>(386.532.883.402)</u>	<u>4.999.729.604.035</u>

27b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.621.994	116.137.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	116.137.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang VND.

28. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	341.081.469.449	436.380.365.692
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	58.969.009.227	33.973.049.163
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(12.884.156.247)	(6.875.484.848)
Giảm do mua lại vốn góp của cổ đông không kiểm soát	-	(120.907.039.145)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tăng khác	-	1.744.587.031
Giảm khác	-	(3.234.008.444)
Số cuối năm	387.166.322.429	341.081.469.449

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	1.696.777.789.673	1.100.877.450.243
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý	1.891.497.958.402	1.874.897.685.782
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.523.881.079	40.863.279.838
Cộng	3.589.799.629.154	3.016.638.415.863

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	992.606.120.767	696.940.209.993
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	1.636.599.657.372	1.673.834.542.784
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	-	16.727.673.800
Cộng	2.629.205.778.139	2.387.502.426.577

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	27.993.328.755	15.004.529.579
Lãi đầu tư chứng khoán, cổ tức, lợi nhuận được chia	1.370.268.329	705.335.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.661.358.992	6.137.222.687
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	11.340.469.923
Lãi thanh lý, chuyển nhượng vốn góp	-	629.682.292.156
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.160.479.267	2.213.031.106
Cộng	43.185.435.343	665.082.880.451

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
--	----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	118.509.885.110	112.637.632.042
Chi phí chuyển nhượng vốn	-	13.087.620.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	923.488.885	36.044.726.671
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	85.111.638.238	17.021.905.237
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(5.501.613.252)	71.617.163.210
Chi phí tài chính khác	30.114.277.812	815.717.718
Cộng	<u>229.157.676.793</u>	<u>251.224.764.878</u>
6. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng, môi giới	36.761.606.331	27.972.892.341
Chi phí khác	7.745.322.404	3.797.761.247
Cộng	<u>44.506.928.735</u>	<u>31.770.653.588</u>
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lương nhân viên quản lý	126.123.312.375	122.765.073.211
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	4.378.631.236	4.583.630.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.405.238.901	7.146.325.815
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	(5.912.172.459)	22.721.638.803
Phân bổ lợi thế thương mại	38.628.553.132	38.838.575.104
Chi phí thuê văn phòng	25.545.514.099	21.390.752.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.336.438.221	34.345.751.952
Chi phí khác	27.313.525.766	28.682.290.349
Cộng	<u>265.819.041.271</u>	<u>280.474.037.684</u>
8. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	14.128.213.843	6.125.429.143
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	4.070.703.071	4.070.703.071
Thu nhập khác	2.949.384.876	7.646.826.907
Cộng	<u>21.148.301.790</u>	<u>17.842.959.121</u>
(*)	Doanh thu chưa thực hiện do đánh giá quyền sử dụng đất khi góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2008 là 283.980.000.000 VND, Tập đoàn phân bổ doanh thu chưa thực hiện trong năm tương ứng với thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 48 năm và 10 tháng.	
9. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dự phòng tổn thất trong quá trình vận chuyển	-	55.361.948.296
Chi phí khác	7.027.159.651	13.386.266.982
Cộng	<u>7.027.159.651</u>	<u>68.748.215.278</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	88.478.588.088
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	29.876.276.462
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(15.636.000.916)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1,519,285,061)	(77.078.265.394)
Cộng	<u>(1,519,285,061)</u>	<u>25.640.598.240</u>

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	401.485.248.522	530.959.189.701
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.780.542.925)	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	393.704.705.597	530.959.189.701
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	116.833.791	115.470.824
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.370</u>	<u>4.598</u>

11b. Thông tin khác

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	116.137.994	114.421.669
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	695.797	1.049.155
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>116.833.791</u>	<u>115.470.824</u>

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	367.199.284.452	389.291.966.777
Chi phí nhân công	274.494.862.603	241.791.100.516
Chi phí khấu hao và lợi thế thương mại phân bổ	283.500.936.837	253.822.640.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.870.260.503.982	1.720.132.915.809
Chi phí khác	144.076.160.271	94.708.493.878
Cộng	<u>2.939.531.748.145</u>	<u>2.699.747.117.848</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.133.064.000	3.064.140.000
Các khoản phúc lợi khác	1.177.400.000	729.900.000
Cộng	<u>4.310.464.000</u>	<u>3.794.040.000</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line - Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

2. Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Chênh lệch giảm</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	401.485.248.522	530.959.189.701	129.473.941.179

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông Công ty mẹ năm 2015 đạt hơn 401,4 tỷ đồng, giảm 129,4 tỷ đồng so với năm 2014. Nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp năm 2015 tăng hơn 328 tỷ đồng so với năm 2014 do Công ty tập trung phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi là Khai thác cảng và Logistics;
- Lợi nhuận hoạt động tài chính năm 2015 giảm hơn 595,3 tỷ đồng do trong năm 2014 phát sinh lợi nhuận từ việc chuyển nhượng vốn góp trong các công ty con và liên kết;

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2015

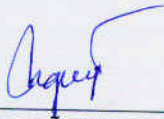
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Lợi nhuận khác năm 2015 tăng hơn 65 tỷ đồng do trong năm 2014 phát sinh các khoản dự phòng phải trả về tổn thất hàng hóa trong quá trình vận chuyển;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại năm 2015 giảm gần 95,8 tỷ đồng do năm 2014 phát sinh chi phí thuế phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn góp trong các công ty con và liên kết;
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý năm 2015 giảm 1,9 tỷ đồng so với năm 2014;
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát năm 2015 tăng gần 24,8 tỷ đồng so với năm 2014.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2016



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

